TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HNGĐST
Ngày 17/6/2019
V/v Xin ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Long và ông Hồ Tùng Mận

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thị Hoài Trang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Việt Bắc – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2019/QĐH-TA ngày 29/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị S – Sinh năm: 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: 113/44/45/4 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng P – Sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 113/44/45/4 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Trọng P tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 22/9/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh P không chăm lo cho gia đình, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị S xét thấy bản thân không thể tiếp tục chung sống với anh P được nữa nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị S và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo L - Sinh ngày: 19/6/2011.

Chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu L đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Trọng P để làm việc và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án, xác định:

-Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, HĐXX đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

-Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Trọng P tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 22/9/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh P không chăm lo cho gia đình nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị S xét thấy bản thân không thể tiếp tục chung sống với anh P được nữa nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P là có căn cứ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn và nuôi con chung của chị Trần Thị S. Xử cho chị Trần Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Trọng P. Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Bảo L - Sinh ngày: 19/6/2011 cho chị Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện của chị Trần Thị S, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Trọng P đã được Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh P.

[3] *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào lời trình bày của chị S, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị S anh P tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 22/9/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị S anh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về tình trạng hôn nhân của chị S anh P thì trong quá trình chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh P không chăm lo cho gia đình, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Nên chị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Chị S anh P cư trú tại địa chỉ 113/44/45/4 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên anh P thường xuyên đi làm vắng nhà nên Tòa án không tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh P được. Về mâu thuẫn vợ chồng thì quá trình chung sống tại địa phương, anh P chị S có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên chị S anh P không yêu cầu địa phương tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị S anh P xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị S xin ly hôn với anh P là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị S và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo L - Sinh ngày: 19/6/2011.

Chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu L đến tuổi trưởng thành và quá trình giải quyết tại Tòa án thì cháu L cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Trong khi đó anh P thường xuyên đi làm vắng nhà nên không thể đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng con chung. Xét về nguyện vọng của chị S và cháu L, các điều kiện nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo L cho chị S nuôi dưỡng là hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị S. Chị Trần Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Trọng P.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Bảo L - Sinh ngày: 19/6/2011 cho chị Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Trọng P được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐST được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0011796 ngày 24/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Nguyễn Thị Thanh